| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG RIỀNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 02 - 2025
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Dương Văn Hôm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Văn Rỡ
2. Bà Trần Thị Mộng Tưởng

***- Thư ký phiên toà***: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.***

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025; giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tr, sinh năm: 1998; địa chỉ: ấp Voi Sơn, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn Csinh năm: 1998; địa chỉ: ấp Voi Sơn, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa nguyên đơn chị Lê Thị Yến trình bày:* Chị và anh C tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Chị và anh C chung sống không hạnh phúc do không cùng quan điểm, thường xuyên xảy ra bất hòa cự cải nhau làm rạn nứt tình cảm, giữa chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay xét thấy, giữa chị và anh C không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: chị và anh C không có con chung

Về tài sản và nợ chung: Chị Tr không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Ckhông giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Tr và không có đơn yêu cầu phản tố.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Tr khởi kiện anh Trần Văn Cyêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh C với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Tr với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Anh C với tư cách là bị đơn trong vụ kiện. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét và quyết định hoãn phiên Tòa trực tiếp cho anh C và thông qua bà Đỗ Thị Cúc (mẹ anh C) nhưng anh C vắng mặt qua các lần mời của Tòa. Mặc dù, anh biết rõ thông tin của vụ việc và các yêu cầu khởi kiện của chị Tr. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị Tr, anh C là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh C tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo sự xác định của chị Tr, giữa chị và anh C mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại từ năm 2022 cho đến nay. Riêng anh C không có ý kiến và cũng không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr, mặc dù anh C đã biết rõ thông tin của vụ việc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Nhưng anh C không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến, không tham gia tố tụng tại Tòa án nên xem như anh C đã mặc nhiên thừa nhận. Mặc khác, tháng 02/2024 anh C có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu được ly hôn với chị Tr nhưng đến tháng 5/2024 anh C rút đơn, đều đó chứng minh giữa anh C và chị Tr đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Vì vậy, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tr được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Chị Tr xác định chị và anh C không có con chung

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C cũng không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị Tr phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002810 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị Tr đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 - điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 - 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Tr được ly hôn với anh Trần Van C.

2. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét do không yêu cầu.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc chị Trần Thị Tr phải chịu nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002810 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị Tr đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự  biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THA huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**Dương Văn Hôm**